

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **28/2026/HS-ST**

Ngày: 22/01/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Phước Mãng.

Bà Đặng Thu Hà.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Đào Thị Nhâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 287/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2026/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trần Ngọc A; Sinh ngày: 26/3/1998; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 401 ấp NH, xã MT, huyện GT, tỉnh Bến Tre (nay là 401 ấp NH, xã LP, tỉnh Vĩnh Long); Chỗ ở: 101/24 đường TH, Phường N, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 101/24 đường TH, phường PL, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Tấn B và bà: Trần Thị P; Có chồng: Không và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 16/12/2024.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2. Khổng Trường T (bị cáo khai tên thường gọi là Xìn); Sinh ngày: 11/7/2001; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 403/13 đường HHN, Phường B, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 403/13 đường HHN, phường MP, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Khổng Quế H và bà: Phạm Kim O; Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 16/12/2024.

Nhân thân: Ngày 07/12/2020, bị Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cải thiện bắt buộc 12 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số:

222/2020/QĐ-TA). Chấp hành xong ngày 14/4/2022 (Giấy chứng nhận số: 897/CN-CS3 ngày 23/3/2022 của Cơ sở cai nghiện ma túy Số 3).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

3. **Huỳnh Bích P1** (bị cáo khai tên gọi khác là Nữ, Bé Hồn); Sinh ngày: 23/8/2001; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 13/22A đường PT, Phường A, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 13/22A đường PT, phường MP, Thành phố Hồ Chí Minh); Chỗ ở: 26/6 đường HN, Phường D, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 26/6 đường HN, phường TSN, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Huỳnh T1 và bà: Dương Thị Hồng D; Có chồng: Không rõ và con: Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/12/2024.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Tấn B; Sinh năm: 1976; Thường trú: 101/50A đường TH, Phường N, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 101/50A đường TH, phường PL, Thành phố Hồ Chí Minh); Chỗ ở: 101/24 đường TH, Phường N, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 101/24 đường TH, phường PL, Thành phố Hồ Chí Minh).

(vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Đặng Thành D1; Sinh năm: 1990; Thường trú: 101/50A đường TH, Phường N, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 101/50A đường TH, phường PL, Thành phố Hồ Chí Minh); Chỗ ở: 101/24 đường TH, Phường N, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 101/24 đường TH, phường PL, Thành phố Hồ Chí Minh).

(có mặt)

3. Bà Lê Thị Thùy L; Sinh năm: 1971; Trú tại: 101/7 đường TH, Phường N, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 101/7 đường TH, phường PL, Thành phố Hồ Chí Minh).

(vắng mặt)

4. Bà Lê Thị Thanh T2; Sinh năm: 1988; Trú tại: 26/5 đường HN, Phường D, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 26/5 đường HN, phường TSN, Thành phố Hồ Chí Minh).

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 16/12/2024, tổ công tác thuộc Công an Phường 14, Quận 6 trên đường tuần tra thì phát hiện Nguyễn Trần Ngọc A, Không Trường T đang đứng trước nhà số 101/24 đường TH, Phường N, Quận F có biểu hiện nghi

vấn, nên tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra, đã thu giữ trong túi quần phía trước bên trái của A 01 gói nylon chứa tinh thể (A khai là ma túy đá). Ngoài ra, tổ công tác còn thu giữ của A 01 chiếc điện thoại di động hiệu Redmi Note 13 Pro màu đen; thu giữ của T 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng. Sau đó, tổ công tác đã giao A, T cùng các vật chứng nêu trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 6 giải quyết.

Tiến hành khám xét nơi ở của Nguyễn Trần Ngọc A tại nhà số 101/24 đường TH, Phường N, Quận F, tổ công tác thu giữ của A 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm 01 ống thủy tinh bên trong chứa tinh thể, 01 chai nhựa, 01 ống hút nhựa), 01 bình gas hiệu Blue Sky, 01 hộp quẹt ga, 01 cân điện tử hiệu Manlloro màu đỏ trắng, 02 gói nylon chưa sử dụng.

Tiến hành khám xét nơi ở của Khổng Trường T tại nhà số 403/13 đường HHN, Phường B, Quận K, tổ công tác không phát hiện và thu giữ tang vật gì liên quan đến ma túy.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Trần Ngọc A, Khổng Trường T khai: A và T là chị em quen biết ngoài xã hội. Cách ngày bị bắt khoảng 01 tháng, cả hai bắt đầu hùn tiền mua ma túy để sử dụng và bán lại kiếm lời. Nguồn gốc ma túy là của A, T mua của Huỳnh Mỹ P1 và tính đến ngày bị bắt, A, T đã hùn tiền mua ma túy của P1 khoảng 04 lần. Khi có nhu cầu mua ma túy, có khi A gọi điện thoại kêu T đi mua, có khi A chủ động liên lạc với P1 đặt mua, rồi kêu T đến gặp P1 lấy ma túy đem về cất giữ tại nhà của A (địa chỉ 101/24 đường TH, Phường N, Quận F). Sau khi mua được ma túy, A, T sẽ lấy ra một ít cùng sử dụng; số ma túy còn lại, A và T tự phân thành từng gói nhỏ ở trong phòng riêng của A rồi mỗi người tự bán lại cho khách của mình kiếm lời. Quá trình điều tra, A khai đã bán cho Quế N, Thuận P2 (không rõ lai lịch), mỗi người 01 gói ma túy đá giá 200.000 đồng; bán cho Văn T3 (không rõ lai lịch) 01 gói ma túy đá giá 1.600.000 đồng. T khai đã bán ma túy cho nhiều người nhưng không nhớ rõ thông tin, địa chỉ của những người này; chỉ nhớ lần gần nhất T bán cho một người thanh niên tên Đ (không rõ lai lịch) 01 gói ma túy đá giá 300.000 đồng tại trước khu vực trường NVP, trên đường LLQ, Quận K. Khoảng 13 giờ ngày 16/12/2024, A và T hùn tiền mua của P1 «25 chằm» ma túy đá với giá 1.150.000 đồng (A hùn 550.000 đồng, T hùn 600.000 đồng). Sau khi T đi lấy ma túy về đưa cho A, A đã lấy ra một ít cùng T, Nguyễn Tấn B (cha của A), Nguyễn Đăng Thành D1 (anh họ của A) cùng sử dụng tại phòng ngủ của A; số ma túy còn lại A cất trong túi quần phía trước bên trái của A để sau đó cùng T phân ra bán, nhưng cả hai chưa kịp phân thì bị công an kiểm tra bắt giữ như nêu trên. Ngoài ra, A và T còn khai đã sử dụng ma túy với nhau tại nhà của A khoảng 5-6 lần; nguồn gốc ma túy là của A, T hùn tiền mua, còn bộ dụng cụ sử dụng ma túy là của A.

Từ lời khai của Nguyễn Trần Ngọc A, Khổng Trường T, Cơ quan điều tra tiến hành bắt giữ Huỳnh Bích P1. Qua đấu tranh, P1 khai nguồn gốc ma túy đá mà P1 bán cho Nguyễn Trần Ngọc A và Khổng Trường T là của P1 đặt mua từ

một người đàn ông tên là T4 (không rõ lai lịch) tại khu vực đường BĐ, Phường O, Quận H. Khoảng từ tháng 11/2024 đến ngày bị bắt, P1 mua ma túy của T4 04 lần, hình thức thanh toán là trả tiền mặt. Sau khi mua ma túy, P1 đem về phân thành từng gói nhỏ để bán lại cho những người không rõ lai lịch và Nguyễn Trần Ngọc A, Khổng Trường T. Tính đến ngày bị bắt, P1 đã bán ma túy cho A, T khoảng 04 lần, nhưng không nhớ ngày giờ cụ thể, chỉ nhớ lần gần nhất là khoảng 13 giờ ngày 16/12/2024, P1 bán cho T «25 chấm» ma túy đá giá 1.150.000 đồng, hình thức thanh toán bằng tiền mặt.

Tiến hành khám xét nơi ở của Huỳnh Bích P1 tại địa chỉ 13/22A đường PT, Phường A, Quận K và tại địa chỉ 26/6 đường HN, Phường D, quận TB, tổ công tác thu giữ trong tủ sắt nhà số 13/22A đường PT 01 ống hút nhựa bị cắt xéo một đầu, 03 túi nylon không chứa gì; thu giữ trong tủ quần áo trên gác nhà số 26/6 đường HN 01 túi đeo màu đen, bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể.

Theo kết quả xét nghiệm chất ma túy cùng ngày 16/12/2024 của Trạm y tế Phường 14, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Trần Ngọc A dương tính với ma túy (loại Methamphetamine, MDMA); Khổng Trường T, Huỳnh Bích P1, Nguyễn Tấn B, Nguyễn Đăng Thành D1 đều dương tính với ma túy (loại Methamphetamine).

Cơ quan điều tra tiến hành cho Nguyễn Trần Ngọc A, Khổng Trường T nhận dạng người qua hình ảnh và cả hai xác định Huỳnh Bích P1 là người đã nhiều lần bán ma túy cho A, T (phù hợp lời khai và nhận dạng người qua hình ảnh của Huỳnh Bích P1).

Tại Kết luận giám định số: 161/KL-KTHS ngày 25 tháng 12 năm 2024, Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: 02 gói được niêm phong, bên ngoài có các chữ ký ghi tên Từ Đức T5 (Điều tra viên) và hình dấu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, bên trong có:

- Gói 01: 01 gói nylon chứa tinh thể (ký hiệu m₁) cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,7348g (không phải bảy ba bốn tám gam), loại Methamphetamine.

- Gói 02: 01 ống thủy tinh chứa tinh thể (ký hiệu m₂) cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,0208g (không phải không hai không tám gam), loại Methamphetamine.

Tại Kết luận giám định số: 409/KL-KTHS ngày 27 tháng 12 năm 2024, Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: 01 gói được niêm phong, bên ngoài có các chữ ký ghi tên Mai Trọng T6 và hình dấu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể (ký hiệu m) cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,0263g (không phải không hai sáu ba gam), loại Methamphetamine.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 249/QĐ-ĐCSMT); khởi tố bị

can đối với Nguyễn Trần Ngọc A, Khổng Trường T về các tội «Mua bán trái phép chất ma túy», «Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy» (Quyết định số: 339/QĐ-ĐCSMT và số: 340/QĐ-ĐCSMT); khởi tố bị can đối với Huỳnh Bích P1 về tội «Mua bán trái phép chất ma túy» (Quyết định số: 341/QĐ-ĐCSMT).

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Trần Ngọc A, do Quyết định khởi tố bị can số: 339/QĐ-ĐCSMT ngày 24/12/2024 sai lý lịch của bị can (Quyết định số: B12300/QĐ-CSMT).

Tại Cáo trạng số: 96/CT-VKS-KV3 ngày 24 tháng 12 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A, Khổng Trường T về các tội «Mua bán trái phép chất ma túy», «Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy» theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Huỳnh Bích P1 về tội «Mua bán trái phép chất ma túy» theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A, Khổng Trường T, Huỳnh Bích P1 đều khai nhận chính các bị cáo đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy như nội dung bản cáo trạng nêu. Về khoản thu lợi từ hành vi mua bán ma túy, bị cáo A khai thu lợi tổng cộng là 160.000 đồng (bị cáo bán cho Quế N và Thuận P2 mỗi người 01 gói ma túy đá giá 200.000 đồng, thu lợi mỗi gói 60.000 đồng; bán cho Văn T3 01 gói ma túy đá giá 1.600.000 đồng, thu lợi 100.000 đồng); bị cáo T khai chỉ nhớ thu lợi từ hành vi bán gói ma túy cho Đ là 40.000 đồng; bị cáo P1 khai chỉ nhớ thu lợi từ hành vi bán ma túy cho các bị cáo A, T ở 02 lần cuối tổng cộng là 200.000 đồng (01 lần thu lợi 50.000 đồng, 01 lần thu lợi 150.000 đồng). Ngoài ra, các bị cáo A, T khai ma túy mà các bị cáo sử dụng, đồng thời cho Nguyễn Tấn B, Nguyễn Đăng Thành D1 cùng sử dụng tại phòng riêng của bị cáo A (nhà số 101/24 đường TH, Phường N, Quận F), là của các bị cáo, do các bị cáo hùn tiền mua; B và D1 không hùn tiền với các bị cáo mua ma túy, hai người này cũng không biết các bị cáo mua ma túy của ai, mua lúc nào, với giá bao nhiêu;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Đăng Thành D1 khai: Ông là anh họ của bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A và ông được A cho ở nhờ tại nhà của A, địa chỉ 101/24 đường TH, Phường N, Quận F (A ở trên gác, còn ông ở tầng trệt). Trong thời gian ở tại đây, ông được các bị cáo A, T cho sử dụng ma túy 02 lần, nhưng ông chỉ nhớ lần gần nhất là trưa ngày 16/12/2024, ông được A và T cho sử dụng chung ma túy tại phòng riêng của A cùng với ông Nguyễn Tấn B (cha của A). Ông D1 xác nhận, ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy là của các bị cáo A, T. Bản thân ông không hùn tiền với các bị cáo để mua ma túy và cũng không phụ giúp gì cho các bị cáo trong việc mua bán ma túy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A, Không Trường T, Huỳnh Bích P1 như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội «Mua bán trái phép chất ma túy» và từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội «Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy» theo điểm b khoản 2 Điều 251; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội theo điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Không Trường T từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội «Mua bán trái phép chất ma túy» và từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội «Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy» theo điểm b khoản 2 Điều 251; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội theo điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Huỳnh Bích P1 từ 08 năm đến 09 năm tù về tội «Mua bán trái phép chất ma túy» theo điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A, Không Trường T, Huỳnh Bích P1, do các bị cáo không có khả năng thi hành.

Buộc bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A nộp lại 160.000 đồng, buộc bị cáo Không Trường T nộp lại 40.000 đồng, buộc bị cáo Huỳnh Bích P1 nộp lại 200.000 đồng, là những khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội để sung vào ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Redmi Note 13 Pro 5G màu đen, dung lượng 256Gb, số Imei 1: 861114069941042/14, số Imei 2: 861114069941059/14; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung, màu trắng (bị hư, không sử dụng được).

Tịch thu, tiêu hủy: 02 gói ma túy đã được niêm phong, bên ngoài ghi vụ số 161(81)/25, có chữ ký niêm phong lại của Giám định viên Trần Đình H1 và cán bộ điều tra Trịnh Ri S. Bên trong: Gói 1 chứa tinh thể có khối lượng 0,6335 gam (mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định), Gói 2 là mẫu vật đã sử dụng phục vụ giám định hết; 01 gói được niêm phong, bên ngoài ghi vụ số 227/25, có chữ ký niêm phong lại của Giám định viên Nguyễn Văn Út L1 và cán bộ điều tra Trịnh Ri S, bên trong là mẫu vật đã sử dụng phục vụ giám định hết; 01 gói được niêm phong, bên ngoài có chữ ký ghi tên Lê D2 (người chứng kiến), Nguyễn Trần Ngọc A (người bị bắt) và hình dấu tròn của Công an Phường 14, Quận 6. Bên trong gồm 01 quần ngắn màu đen (có hoa văn màu trắng); 01 túi

đeo màu đen; 01 ống hút bị cắt xéo một đầu; 01 cân điện tử hiệu Manlloro, màu đỏ trắng (đã qua sử dụng); 03 túi nylon không chứa gì; 01 bình ga hiệu BlueSky; 02 gói nylon chưa sử dụng; 01 hộp quẹt ga; 01 chai nhựa có gắn 01 ống hút nhựa; 01 sim điện thoại có dãy số 89840-48000-91189-1522 (số thuê bao 0866414994); 01 sim điện thoại có dãy số 8401-2403-1245-3352 (số thuê bao 0899282645).

Trả lại bị cáo Huỳnh Bích P1 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo, màu đen, số Imei 1: 866067063849279, số Imei 2: 866067063849261 (bên trong có 01 sim điện thoại có dãy số 8401-1604-1249-1455, số thuê bao 0931900032).

Lời nói sau cùng, các bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A, Khổng Trường T, Huỳnh Bích P1 đều cho rằng trong thời gian bị tạm giam, các bị cáo đã nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật, nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất để các bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 6 (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quy định chung về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (ngoài ông Nguyễn Đăng Thành D1) vắng mặt. Tuy nhiên, xét thấy sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng, không gây trở ngại gì đến việc giải quyết vụ án. Mặt khác, những người này cũng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2025 (sau đây gọi tắt là Bộ luật tố tụng hình sự).

[3] Đối chiếu lời khai của các bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A, Khổng Trường T, Huỳnh Bích P1; của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Đăng Thành D1 tại phiên tòa với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; Kết luận giám định số: 161/KL-KTHS ngày 25/12/2024 và số: 409/KL-KTHS ngày 27/12/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản làm việc ngày 17/12/2024 về việc

kiểm tra nội dung tin nhắn Zalo trong chiếc điện thoại di động thu giữ của bị cáo A; Sao kê tài khoản của bị cáo A do Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội cung cấp; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Tấn B và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ, lời khai khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A, Không Trường T đã phạm tội «Mua bán trái phép chất ma túy» và phạm tội «Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy», tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 251, Điều 255 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Huỳnh Bích P1 đã phạm tội «Mua bán trái phép chất ma túy», tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

[3.1] Các bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A, Không Trường T, Huỳnh Bích P1 đã mua bán trái phép chất ma túy ở thể rắn. Quá trình điều tra và diễn biến tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định việc mua bán ma túy của các bị cáo đã diễn ra nhiều lần, trong khoảng thời gian tương đối dài và tính đến ngày bị bắt, các bị cáo A, T đã mua ma túy của bị cáo P1 để bán thu lợi tổng cộng 04 lần. Thời điểm bắt quả tang (vào lúc 20 giờ ngày 16/12/2024, tại khu vực trước nhà số 101/24 đường TH, Phường N, Quận F) đã thu giữ trong túi quần phía trước bên trái của bị cáo A 01 gói nylon, bên trong có 0,7348 gam ma túy, loại Methamphetamine, bị cáo A khai gói ma túy bị thu giữ là của bị cáo và bị cáo T hùn tiền mua của bị cáo P1 vào chiều ngày 16/12/2024 với giá 1.150.000 đồng để bán, nhưng chưa kịp bán thì đã bị bắt (lời khai của bị cáo A phù hợp với lời khai của các bị cáo T, P1 tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa). Ngoài ra, khi khám xét nhà của bị cáo P1 tại địa chỉ 26/6 đường HN, Phường D, quận TB, Công an còn thu giữ của bị cáo P1 01 gói nylon, bên trong có 0,0263 gam ma túy, loại Methamphetamine (bị cáo P1 xác nhận gói ma túy này là của bị cáo cất giữ nhằm mục đích để bán thu lợi). Cho thấy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A, Không Trường T, Huỳnh Bích P1 không những đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về chế độ độc quyền trong việc quản lý, trao đổi, cất giữ chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo về tội «Mua bán trái phép chất ma túy» thuộc trường hợp «Phạm tội 02 lần trở lên» theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3.2] Các bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A, Không Trường T có hành vi cung cấp ma túy, cung cấp dụng cụ sử dụng ma túy cho Nguyễn Tấn B, Nguyễn Đăng Thành D1 cùng sử dụng chung với các bị cáo tại phòng riêng của bị cáo A, nhà số 101/24 đường TH, Phường N, Quận F vào ngày 16/12/2024. Và ma túy mà các bị cáo A, T sử dụng, đồng thời cho B, D1 cùng sử dụng, các bị cáo xác nhận là thuộc sở hữu chung của các bị cáo, do các bị cáo hùn tiền mua (phù hợp với lời khai của Nguyễn Tấn B, Nguyễn Đăng Thành D1; phù hợp với vật chứng bị thu

giữ khi khám xét nhà của bị cáo A là bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 ống thủy tinh, bên trong có 0,0208 gam ma túy, loại Methamphetamine; 01 bình nhựa, 01 ống hút nhựa). Ngoài ra, các bị cáo A, T còn khai trước đó các bị cáo đã nhiều lần sử dụng chung ma túy với nhau tại nhà của bị cáo A và ma túy mà các bị cáo sử dụng cũng là của các bị cáo, do các bị cáo hùn tiền mua, nên ngoài hành vi mua bán trái phép chất ma túy nêu trên, các bị cáo A, T còn phạm tội «Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy» thuộc các trường hợp «Phạm tội 02 lần trở lên», phạm tội «Đối với 02 người trở lên» theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự năm 2015, đúng như Viện kiểm sát đã truy tố.

[3.3] Các bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A, Không Trường T, Huỳnh Bích P1 là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; các bị cáo hoàn toàn nhận thức được tác hại của ma túy, nhận thức được hành vi mua bán, cất giữ trái phép chất ma túy cũng như hành vi cung cấp ma túy, cung cấp địa điểm, cung cấp dụng cụ sử dụng ma túy cho người khác sử dụng, là những hành vi vi phạm pháp luật, được quy định trong Bộ luật hình sự, nhưng do háms lợi, để thỏa mãn lổisống không lành mạnh và nhất là xem thường pháp luật, nên các bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[4] Về nhân thân của các bị cáo:

[4.1] Bị cáo Không Trường T có nhân thân xấu, đó là ngày 07/12/2020, bị Tòa án nhân dân Quận 11 quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 12 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy.

[4.3] Các bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A, Huỳnh Bích P1 có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự).

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A, Không Trường T, Huỳnh Bích P1 là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Mặt khác, ma túy nói chung và các chất ma túy ở thể rắn như Methamphetamine nói riêng là chất gây nghiện độc hại, việc sử dụng ma túy đã gây tác hại rất lớn và ảnh hưởng rất xấu đến sức khỏe, làm mất khả năng lao động, học tập của chính người sử dụng và đây cũng chính là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt các bị cáo những mức án thật nghiêm khắc tương xứng, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và để phòng ngừa chung, góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay, nhất là các tội phạm về ma túy. Tuy nhiên, xét các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khi lượng hình tùy theo tính chất, mức độ, vai trò tham gia của từng bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5.1] Và như đã nêu, đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A, Huỳnh Bích P1 có nhân thân tốt; bị cáo P1 có 03 con nhỏ đều dưới 15 tuổi, nên Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo này được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[7] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt tù, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A, Khổng Trường T, Huỳnh Bích P1 theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[8] Về biện pháp tư pháp:

[8.1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A khai thu lợi từ hành vi bán ma túy tổng cộng là 160.000 đồng; bị cáo Khổng Trường T khai thu lợi từ hành vi bán ma túy là 40.000 đồng; bị cáo Huỳnh Bích P1 khai thu lợi từ hành vi bán ma túy cho các bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A, Khổng Trường T là 200.000 đồng. Xét đây là những khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội, nên Hội đồng xét xử buộc các bị cáo nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.2] Đối với số tiền mà các bị cáo Khổng Trường T, Huỳnh Bích P1 thu lợi từ hành vi bán ma túy cho những người không rõ lai lịch, do không xác định được chính xác khoản thu lợi này, nên Hội đồng xét xử không đủ cơ sở để buộc các bị cáo nộp lại.

[9] Việc xử lý vật chứng:

[9.1] Phương tiện dùng vào việc phạm tội là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Redmi Note 13 Pro 5G màu đen, dung lượng 256Gb, số Imei 1: 861114069941042/14, số Imei 2: 861114069941059/14 (thu giữ của bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung, màu trắng, bị hư, không sử dụng được (thu giữ của bị cáo Khổng Trường T), Hội đồng xét xử tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9.2] Đối với 02 gói ma túy đã được niêm phong, bên ngoài ghi vụ số 161(81)/25, có chữ ký niêm phong lại của Giám định viên Trần Đình H1 và cán bộ điều tra Trịnh Ri S. Bên trong: Gói 1 chứa tinh thể có khối lượng 0,6335 gam (mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định), Gói 2 là mẫu vật đã sử dụng phục vụ giám định hết; 01 gói được niêm phong, bên ngoài ghi vụ số 227/25, có chữ ký niêm phong lại của Giám định viên Nguyễn Văn Út L1 và cán

bộ điều tra Trịnh Ri S, bên trong là mẫu vật đã sử dụng phục vụ giám định hết; 01 gói được niêm phong, bên ngoài có chữ ký ghi tên Lê D2 (người chứng kiến), Nguyễn Trần Ngọc A (người bị bắt) và hình dấu tròn của Công an Phường 14, Quận 6. Bên trong gồm 01 quần ngắn màu đen (có hoa văn màu trắng); 01 túi đeo màu đen; 01 ống hút bị cắt xéo một đầu; 01 cân điện tử hiệu Manlloro, màu đỏ trắng (đã qua sử dụng); 03 túi nylon không chứa gì; 01 bình ga hiệu BlueSky; 02 gói nylon chưa sử dụng; 01 hộp quẹt ga; 01 chai nhựa có gắn 01 ống hút nhựa; 01 sim điện thoại có dãy số 89840-48000-91189-1522, số thuê bao 0866414994 (trong chiếc điện thoại di động hiệu Redmi màu đen); 01 sim điện thoại có dãy số 8401-2403-1245-3352, số thuê bao 0899282645 (trong chiếc điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng), là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9.3] Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Oppo, màu đen, số Imei 1: 866067063849279, số Imei 2: 866067063849261 (bên trong có 01 sim điện thoại có dãy số 8401-1604-1249-1455, số thuê bao 0931900032) thu giữ của bị cáo Huỳnh Bích P1. Quá trình điều tra không đủ căn cứ xác định bị cáo đã hoặc sẽ dùng vào việc phạm tội, nên tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị trả lại cho bị cáo là có cơ sở, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 106/PNK ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định chuyển vật chứng số: 17/QĐ-VKS-KV3 ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29 tháng 10 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh - BL324, 384, 386)

[9.4] Đối với chiếc điện thoại di động mà bị cáo Huỳnh Bích P1 sử dụng làm phương tiện mua bán ma túy (bị cáo khai chiếc điện thoại này hiệu Samsung Galaxy màu đen, có sim điện thoại số 0587018652. Sau khi nghe tin Nguyễn Trần Ngọc A, Khổng Trường T bị bắt, bị cáo đã vứt bỏ), Cơ quan điều tra không thu hồi được, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[10] Đối với các ông Nguyễn Tấn B, Nguyễn Đăng Thành D1, quá trình điều tra và tại phiên tòa, Viện kiểm sát xác định không liên quan đến hành vi mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A, Khổng Trường T, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm. Còn hành vi sử dụng ma túy của các ông này thì ngày 14/3/2025, Tòa án nhân dân Quận 6 đã ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 18 tháng đối với ông B (Quyết định số: 47/QĐ-TA); ngày

17/12/2024, Công an Phường 14, Quận 6 đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng đối với ông Duy (Quyết định số: 884/QĐ-XPHC), do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[10.1] Đối với bà Lê Thị Thùy L (chủ sở hữu nhà số 101/24 đường TH, Phường N, Quận F), bà Lê Thị Thanh T2 (chủ sở hữu nhà số 26/6 đường HN, Phường D, quận TB). Quá trình điều tra xác định, bà L và bà T2 không biết việc các bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A, Khổng Trường T, Huỳnh Bích P1 cất giấu ma túy, sử dụng ma túy tại nhà của các bà, nên không xem xét trách nhiệm pháp lý.

[10.2] Đối với người đàn ông tên T4 mà bị cáo Huỳnh Bích P1 khai bán ma túy cho bị cáo và những người tên Đ, Quế N, Thuận P2, Văn T3 mua ma túy của các bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A, Khổng Trường T. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị lúc nào Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác minh làm rõ xử lý sau, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[11] Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A, Khổng Trường T khai ông thủy tinh, bên trong có 0,0208 gam ma túy, loại Methamphetamine mà Công an thu giữ khi tiến hành khám xét nơi ở của bị cáo A tại nhà số 101/24 đường TH, Phường N, Quận F là của các bị cáo cất giữ để sử dụng. Tuy nhiên, do khối lượng chất ma túy mà các bị cáo cất giữ chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[12] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A, Khổng Trường T, Huỳnh Bích P1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trần Ngọc A** 08 (tám) năm tù về tội «Mua bán trái phép chất ma túy» và 08 (tám) năm tù về tội «Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy». Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2024.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Khổng Trường T** (Xìn) 08 (tám) năm tù về tội «Mua bán trái phép chất ma túy» và 08 (tám) năm tù về tội «Tổ chức sử dụng trái phép chất

ma túy». Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2024.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Huỳnh Bích P1** (Nữ, Bé Hòn) 08 (tám) năm tù về tội «Mua bán trái phép chất ma túy». Thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2024.

- Căn cứ khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A nộp phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Buộc bị cáo Không Trường T nộp phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Buộc bị cáo Huỳnh Bích P1 nộp phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng.

- Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2025.

Buộc bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A nộp lại 160.000 (một trăm sáu mươi ngàn) đồng, là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Không Trường T nộp lại 40.000 (bốn mươi ngàn) đồng, là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Huỳnh Bích P1 nộp lại 200.000 (hai trăm ngàn) đồng, là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Redmi Note 13 Pro 5G, màu đen, dung lượng 256Gb, số Imei 1: 861114069941042/14, số Imei 2: 861114069941059/14; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung, màu trắng (bị hư, không sử dụng được).

- Căn cứ điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2025.

Tịch thu, tiêu hủy: 02 (hai) gói ma túy đã được niêm phong, bên ngoài ghi vụ số 161(81)/25, có chữ ký niêm phong lại của Giám định viên Trần Đình H1 và cán bộ điều tra Trịnh Ri S. Bên trong: Gói 1 chứa tinh thể có khối lượng 0,6335 (không phải sáu ba ba năm) gam (mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định), Gói 2 là mẫu vật đã sử dụng phục vụ giám định hết; 01 (một) gói được niêm phong, bên ngoài ghi vụ số 227/25, có chữ ký niêm phong lại của Giám định viên Nguyễn Văn Ut L1 và cán bộ điều tra Trịnh Ri S, bên trong là mẫu vật đã sử dụng phục vụ giám định hết; 01 (một) gói được niêm phong, bên ngoài có chữ ký ghi tên Lê D2 (người chứng kiến), Nguyễn Trần Ngọc A (người bị bắt) và hình dấu tròn của Công an Phường 14, Quận 6. Bên trong gồm 01 (một) quần ngắn màu đen (có hoa văn màu trắng); 01 (một) túi đeo màu đen; 01

(một) ống hút bị cắt xéo một đầu; 01 (một) cân điện tử hiệu Manlloro, màu đỏ trắng (đã qua sử dụng); 03 (ba) túi nylon không chứa gì; 01 (một) bình ga hiệu BlueSky; 02 (hai) gói nylon chưa sử dụng; 01 (một) hộp quẹt ga; 01 (một) chai nhựa có gắn 01 (một) ống hút nhựa; 01 (một) sim điện thoại có dãy số 89840-48000-91189-1522 (số thuê bao 0866414994); 01 (một) sim điện thoại có dãy số 8401-2403-1245-3352 (số thuê bao 0899282645).

- Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2025.

Trả lại bị cáo Huỳnh Bích P1 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Oppo, màu đen, số Imei 1: 866067063849279, số Imei 2: 866067063849261; 01 (một) sim điện thoại có dãy số 8401-1604-1249-1455 (số thuê bao 0931900032).

(theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29 tháng 10 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh - bút lục 386)

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2025; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Các bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A, Không Trường T, Huỳnh Bích P1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Đăng Thành D1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 3 - Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Chí Hòa -
- Phân trại tạm giam Bình Tiên;
- Phòng PV06 Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên



TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **28/2026/HS-ST**

Ngày 22 tháng 01 năm 2026

TRÍCH SAO BẢN ÁN HÌNH SỰ

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2026/HS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2026. Đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Trần Ngọc A**; Sinh ngày: 26/3/1998; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 401 ấp NH, xã MT, huyện GT, tỉnh Bến Tre (nay là 401 ấp NH, xã LP, tỉnh Vĩnh Long); Chỗ ở: 101/24 đường TH, Phường 14, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 101/24 đường TH, phường PL, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Tấn B và bà:

Trần Thị P; Có chồng: Không và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 16/12/2024.

2. **Khổng Trường T** (bị cáo khai tên thường gọi là Xìn); Sinh ngày: 11/7/2001; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 403/13 đường HHN, Phường 2, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 403/13 đường HHN, phường MP, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Khổng Quế H và bà: Phạm Kim O; Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 16/12/2024.

Nhân thân: Ngày 07/12/2020, bị Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 12 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số: 222/2020/QĐ-TA). Chấp hành xong ngày 14/4/2022 (Giấy chứng nhận số: 897/CN-CS3 ngày 23/3/2022 của Cơ sở cai nghiện ma túy Số 3).

3. **Huỳnh Bích P1** (bị cáo khai tên gọi khác là Nữ, Bé Hồn); Sinh ngày: 23/8/2001; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 13/22A đường PT, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 13/22A đường PT, phường MP, Thành phố Hồ Chí Minh); Chỗ ở: 26/6 đường HN, Phường 4, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 26/6 đường HN, phường TSN, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Huỳnh T1 và bà: Dương Thị Hồng D; Có chồng: Không rõ và con: Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trần Ngọc A** 08 (tám) năm tù về tội «Mua bán trái phép chất ma túy» và 08 (tám) năm tù về tội «Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy». Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2024.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Khổng Trường T** (Xìn) 08 (tám) năm tù về tội «Mua bán trái phép chất ma túy» và 08 (tám) năm tù về tội «Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy». Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2024.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Huỳnh Bích P1** (Nữ, Bé Hòn) 08 (tám) năm tù về tội «Mua bán trái phép chất ma túy». Thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2024.

- Căn cứ khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A nộp phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Buộc bị cáo Không Trường T nộp phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Buộc bị cáo Huỳnh Bích P1 nộp phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng.

- Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2025.

Buộc bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A nộp lại 160.000 (một trăm sáu mươi ngàn) đồng, là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Không Trường T nộp lại 40.000 (bốn mươi ngàn) đồng, là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Huỳnh Bích P1 nộp lại 200.000 (hai trăm ngàn) đồng, là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Redmi Note 13 Pro 5G, màu đen, dung lượng 256Gb, số Imei 1: 861114069941042/14, số Imei 2: 861114069941059/14; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung, màu trắng (bị hư, không sử dụng được).

- Căn cứ điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2025.

Tịch thu, tiêu hủy: 02 (hai) gói ma túy đã được niêm phong, bên ngoài ghi vụ số 161(81)/25, có chữ ký niêm phong lại của Giám định viên Trần Đình H1 và cán bộ điều tra Trịnh Ri S. Bên trong: Gói 1 chứa tinh thể có khối lượng 0,6335 (không phải sáu ba ba năm) gam (mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định), Gói 2 là mẫu vật đã sử dụng phục vụ giám định hết; 01 (một) gói được niêm phong, bên ngoài ghi vụ số 227/25, có chữ ký niêm phong lại của Giám định viên Nguyễn Văn Út L1 và cán bộ điều tra Trịnh Ri S, bên trong là mẫu vật đã sử dụng phục vụ giám định hết; 01 (một) gói được niêm phong, bên ngoài có chữ ký ghi tên Lê D2 (người chứng kiến), Nguyễn Trần Ngọc A (người bị bắt) và hình dấu tròn của Công an Phường 14, Quận 6. Bên trong gồm 01 (một) quần ngắn màu đen (có hoa văn màu trắng); 01 (một) túi đeo màu đen; 01 (một) ống hút bị cắt xéo một đầu; 01 (một) cân điện tử hiệu Manlloro, màu đỏ trắng (đã qua sử dụng); 03 (ba) túi nylon không chứa gì; 01 (một) bình ga hiệu

BlueSky; 02 (hai) gói nylon chưa sử dụng; 01 (một) hộp quẹt ga; 01 (một) chai nhựa có gắn 01 (một) ống hút nhựa; 01 (một) sim điện thoại có dãy số 89840-48000-91189-1522 (số thuê bao 0866414994); 01 (một) sim điện thoại có dãy số 8401-2403-1245-3352 (số thuê bao 0899282645).

- Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2025.

Trả lại bị cáo Huỳnh Bích P1 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Oppo, màu đen, số Imei 1: 866067063849279, số Imei 2: 866067063849261; 01 (một) sim điện thoại có dãy số 8401-1604-1249-1455 (số thuê bao 0931900032).

(theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29 tháng 10 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh - bút lục 386)

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2025; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Các bị cáo Nguyễn Trần Ngọc A, Khổng Trường T, Huỳnh Bích P1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Đăng Thành D1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 3 - Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Chí Hòa -
- Phân trại tạm giam Bình Tiên;
- Phòng PV06 Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên

TAND KHU VỰC 3



WNG220126.TL.QDBA
642